BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VỤ PHÁP CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr -PC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Thông tư quy định về hoạt động kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện Chương trình xây dựng Thông tư năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 5024/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2025 (được thay thế bằng Quyết định số 853/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2026), căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Vụ Pháp chế kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư quy định về hoạt động kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là dự thảo Thông tư), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả nêu rõ: "*Sau khi sắp xếp, các cơ quan không còn tổ chức thanh tra thì thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước*. Người đứng đầu có trách nhiệm giao đơn vị trực thuộc tham mưu thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật. Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Thanh tra Chính phủ và các tỉnh ủy, thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra theo đúng kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. *Rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức, bố trí lực lượng, cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết, lộ trình triển khai thực hiện đồng bộ với việc thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm liên tục, không gián đoạn, không bỏ sót nhiệm vụ."*

- Tại mục III.1 Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đề ra giải pháp: *"Xác định xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật*

là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của các bộ, ngành Trung ương".

Đồng thời, một số Nghị quyết khác của Đảng đã định hướng: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực[1].

1.2. Cơ sở pháp lý

- Khoản 1 Điều 61 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 quy định: "*1. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật...*"

- Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành quy định:

"1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước.

Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi được phân cấp, ủy quyền".

- Điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP quy định: "*Bộ trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức, thực hiện hoạt động kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.*".

- Điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP quy định: "*Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành quy trình kiểm tra chuyên ngành theo yêu cầu quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực*".

Tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP đã có quy định chung về: Mục đích, nguyên tắc và hành vi nghiêm cấm trong hoạt động kiểm tra; Thẩm quyền kiểm tra và nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động kiểm tra; Quyết định kiểm tra, đoàn kiểm tra, địa điểm và thời hạn kiểm tra, kế hoạch tiến hành kiểm tra, tiến hành kiểm tra…Tuy nhiên, tại Nghị định chưa có quy định cụ thể về quy trình kiểm tra chuyên ngành (các bước tiến hành và xử lý kết quả kiểm tra).

- Tại điểm b khoản 2 Mục II Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 13/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: "*b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm tra trong các ngành, lĩnh vực.".*

---

[1] - Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban CHTW Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đề ra giải pháp: *Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý VBQPPL trái pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương,... kiên quyết chống tiêu cực, "lợi ích nhóm" trong công tác xây dựng pháp luật.*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đưa mục tiêu: *Chấm dứt tình trạng kiểm tra chồng chéo, trùng lắp, kéo dài, không cần thiết.*

2. Cơ sở thực tiễn

- Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục tục hành chính gắn với điều kiện kinh doanh, chuyển mạnh từ cơ chế "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" các hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã được khơi thông nguồn lực, tạo sự linh hoạt, chủ động cho các chủ thể. Tuy nhiên, trước yêu cầu quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro, việc kiểm tra, giám sát các hoạt động được coi là biện pháp hữu hiệu, cần thiết.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Các hoạt động trong lĩnh vực do Bộ quản lý tương đối đa dạng, có tác động lớn đến đời sống tinh thần, phát triển thể chất con người. Do vậy, việc kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ cần thiết có cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể để bảo đảm các chủ thể kiểm tra và được kiểm tra có thể tuân thủ, thực hiện thuận lợi, minh bạch, chính xác, hạn chế sự ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường, hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doan nghiệp.

- Qua rà soát thực tiễn hoạt động quản lý và các quy định của pháp luật cho thấy, hầu hết các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa có quy định cụ thể về quy trình kiểm tra chuyên ngành hoặc quy định chưa đầy đủ, rõ ràng.

Do đó, để tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm tra chuyên ngành đồng thời quy định cụ thể quy trình, biểu mẫu các văn bản kèm theo để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuận tiện áp dụng, Vụ Pháp chế trình Lãnh đạo Bộ ban hành Thông tư quy định về hoạt động kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích ban hành

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động kiểm tra chuyên ngành, góp phần xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về kiểm tra chuyên ngành đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tạo hành lang pháp lý, rõ ràng, đầy đủ, nhất quán, có hệ thống về hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; kịp thời xem xét, đánh giá, xử lý việc tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Thông tư

- Bảo đảm phù hợp với các chủ trương, đường lối của Đảng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban CHTW Đảng Khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/03/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Bảo đảm tính hợp pháp, phù hợp với hệ thống pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, pháp luật về tổ chức chính phủ, pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.

- Bảo đảm tính khả thi, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Vụ Pháp chế đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu, tham vấn, trao đổi ý kiến của một số cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, một số Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch về sự cần thiết, nội dung cơ bản cần quy định tại dự thảo Thông tư.

2. Tiếp nhận các ý kiến về những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến.

4. Lấy ý kiến các bộ, ngnafh, các đơn vị thuộc Bộ và địa phương về hồ sơ dự thảo Thông tư.

5. Căn cứ ý kiến góp ý, Vụ Pháp chế đã tổng hợp nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý hồ sơ dự thảo Thông tư.

Các ý kiến góp ý cụ thể đã được Vụ Pháp chế nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo (Bảng tổng hợp kèm theo).

5. Gửi hồ sơ dự thảo Thông tư để thẩm định theo quy định.

7. Tiếp thu ý kiến thẩm định, Vụ Pháp chế đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư. *(bổ sung khi có văn bản thẩm định)*

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định về quy trình kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Thông tư này không áp dụng đối với hoạt động kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật; hoạt động kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; hoạt động kiểm tra phục vụ quá trình giải quyết các thủ tục hành chính và các hoạt động kiểm tra khác theo quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, đơn vị và cá nhân có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn (nếu có), thành viên Đoàn kiểm tra chuyên ngành.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo Thông tư:

Dự thảo Thông tư gồm 13 điều và 01 Phụ lục; trong đó:

- Điều 1 quy định về: Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2 đến Điều 10 là các quy định về thẩm quyền, nội dung kiểm tra chuyên ngành; xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề; quyết định kiểm tra chuyên ngành, Đoàn kiểm tra chuyên ngành, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm chuyên ngành, địa điểm, thời hạn kiểm tra chuyên ngành, tiến hành kiểm tra chuyên ngành và xủa lý vi phạm, báo cáo kết quả kiểm tra chuyên ngành và tổ chức thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra chuyên ngành.
- Điều 11 và Phụ lục văn bản quy định về 06 mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành
- Điều 12. quy định về lập, quả lý và lưu trữ hồ sơ kiểm tra chuyên ngành.
- Điều 13 quy định về hiệu lực thi hành Thông tư.

3. Nội dung cơ bản:

- Về thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành (Điều 2):

+ Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thẻ thao và Du lịch.

+ Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi được phân cấp, ủy quyền.

+ Thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ở địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP**.**

- Về nội dung kiểm tra chuyên ngành: Nội dung kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và

Du lịch thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

- Về xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề (Điều 30:

+ Kế hoạch kiểm tra chuyên đề phải căn cứ vào yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và tình hình chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành và Thủ trưởng các đơn vị thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề của đơn vị mình gửi Văn phòng Bộ để tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, ban hành kế hoạch kiểm tra chuyên đề của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch điều chỉnh kế hoạch kiểm tra chuyên đề.

+ Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch.

+ Kế hoạch kiểm tra chuyên đề được gửi đến Thanh tra Chính phủ và cơ quan thanh tra có liên quan để xử lý chồng chéo, trùng lặp theo quy định của pháp luật.

- Về quyết định kiểm tra chuyên ngành (Điều 5):

+ Người có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tại Điều 2 Thông tư này ban hành quyết định kiểm tra chuyên ngành. Trường hợp cần thiết, căn cứ tính chất, phạm vi và quy mô nhiệm vụ kiểm tra, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao một đơn vị làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định kiểm tra chuyên ngành.

+ Căn cứ ban hành quyết định kiểm tra chuyên ngành và nội dung quyết định kiểm tra chuyên ngành thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

- Về Đoàn kiểm tra chuyên ngành, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra chuyền ngành (Điều 6, 7):

+ Thành viên Đoàn kiểm tra được xác định căn cứ vào yêu cầu, nội dung kiểm tra và văn bản cử người hoặc văn bản xác nhận việc cử đại diện tham gia của cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan. Căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền ban hành

quyết định kiểm tra xem xét, quyết định việc bổ sung thành viên Đoàn kiểm tra hoặc mời chuyên gia có chuyên môn sâu trong lĩnh vực liên quan tham gia làm việc cùng Đoàn kiểm tra.

+ Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm sau đây:

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Đoàn kiểm tra tại kế hoạch tiến hành kiểm tra chuyên ngành phải trên cơ sở thống nhất của các thành viên Đoàn kiểm tra, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức mà thành viên đó đại diện;

b) Phổ biến các nội dung của kế hoạch tiến hành kiểm tra, quán triệt nguyên tắc làm việc và nhiệm vụ của các thành viên.

c) Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm làm việc, Trưởng đoàn kiểm tra hoặc người được ủy quyền thông báo kịp thời đến thành viên Đoàn kiểm tra, đối tượng kiểm tra và các bên có liên quan để phối hợp thực hiện.

- Về tiến hành kiểm tra chuyên ngành (Điều 9):

+ Thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm nghiên cứu thông tin, tài liệu thu thập được; đánh giá việc chấp hành chính sách, pháp luật của đối tượng kiểm tra theo phân công.

+ Trường hợp cần kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu và các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra thì Đoàn kiểm tra yêu cầu đối tượng kiểm tra, đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản.

- Về báo cáo kết quả kiểm tra chuyên ngành và tổ chức thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra chuyên ngành (Điều 10):

+ Kết thúc đợt kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công, gửi Trưởng đoàn kiểm tra để tổng hợp trước khi hoàn thiện biên bản kiểm tra. Trưởng Đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo người ra quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra.

+ Thời hạn xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra là không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Đoàn kiểm tra kết thúc tiến hành kiểm tra, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc.

+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra ban hành văn bản nhận xét, đánh giá về việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng kiểm tra thuộc nội dung kiểm tra; xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm (nếu có); kiến nghị các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra (nếu có).

- Về lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ kiểm tra chuyên ngành (Điều 12)

+ Lập, quản lý hồ sơ kiểm tra chuyên ngành được thực hiện theo quy định của pháp luật, gồm các tài liệu sau đây:

a) Quyết định kiểm tra chuyên ngành;

b) Kế hoạch tiến hành kiểm tra chuyên ngành;

c) Biên bản họp, phân công nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành;

d) Biên bản kiểm tra;

đ) Báo cáo, giải trình của đối tượng kiểm tra; biên bản giao nhận, trả hồ sơ, tài liệu;

e) Báo cáo kết quả kiểm tra;

g) Biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

h) Tài liệu khác có liên quan.

+ Việc lưu trữ hồ sơ kiểm tra chuyên ngành được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về các mẫu văn bản trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành (Điều 11 và Phụ lục Thông tư): 06 mẫu văn bản, bao gồm:

+ Mẫu số 1: Đề xuất Kế hoạch kiểm tra chuyên đề

+ Mẫu số 2: Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra chuyên đề

+ Mẫu số 3: Quyết định kiểm tra

+ Mẫu số 4: Kế hoạch tiến hành kiểm tra

+ Mẫu số 5: Biên bản kiểm tra

+ Mẫu số 6: Báo cáo kết quả kiểm tra

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (nếu có):

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH THÔNG TƯ VÀ THỜI GIAN TRÌNH BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH THÔNG TƯ

Việc ban hành Thông tư không yêu cầu bổ sung tổ chức bộ máy, không làm phát sinh biên chế. Các hoạt động kiểm tra chuyên ngành được bố trí từ nguồn kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan, do vậy, không làm phát sinh nguồn kinh phí mới. Các điều kiện bảo đảm thi hành cơ bản đáp ứng từ nguồn lực hiện có của cơ quan quản lý nhà nước.

Dự thảo Thông tư dự kiến trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vào tháng 12 năm 2026.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư quy định về hoạt động kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Vụ Pháp chế kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Thông tư; (2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Thông tư; (3) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý

đối với dự thảo Thông tư; (4) bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (5) Báo cáo thẩm định; (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (7) Bản sao các ý kiến góp ý.).

Nơi nhận:
- Bộ trưởng *(để báo cáo);*
- Các Thứ trưởng (*để báo cáo);*
- Lưu PC, NTT (8)

VỤ TRƯỞNG

Phạm Cao Thái